

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/DS - PT

Ngày 12/12/2017

V/v “Hủy di chúc và chia di sản
thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Quán

Các Thẩm phán: Ông Phùng Chí Thiện

Ông Hoàng Hữu Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017 về “Hủy di chúc và chia di sản thừa kế” do bản án dân sự số 09/2017/DS-ST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐ-PT ngày 06/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Chu Công C - Sinh năm 1942;

ĐKKHKT và nơi ở: Tổ 16A, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D – Địa chỉ: Số nhà 575, đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị Chu Thị Minh Ch - Sinh năm 1975;

ĐKKHKT: Tổ 13, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Số nhà 148, đường 27, tổ 22, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.
(Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Phương T và ông Lưu Văn Q – Luật sư, Công ty Luật TNHH Nelson và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 18 ngách 36 ngõ 258 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.
(Có mặt tại phiên tòa).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Chu Công C1 - Sinh năm 1973;

ĐKHKT: Tổ 22, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Thôn Đồng Căn B, xã Lùng Vai, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Chu Thị Minh Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Chu Công C, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ông Chu Công H kết hôn với bà Phạm Thị N, ông bà có một người con là ông Chu Công C. Năm 1966 ông Chu Công H chết, bà N ở với vợ chồng ông C. Năm 1980 sau khi ông C bán nhà đất để đi nơi khác ở bà Phạm Thị N có mua một túp lều để ở. Năm 1996 sau khi vợ chồng ông C ly hôn, ông C đưa bà N về quê Hưng Yên sinh sống. Đến năm 2006, ông C vào miền Nam sinh sống, bà N lên Lào Cai sống cùng anh Chu Công C1 (là con trai ông C) và đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 25, phường T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Năm 2009 nhà nước thu hồi diện tích đất bà N đang ở và cấp tái định cư cho hộ gia đình bà Phạm Thị N diện tích 100m² đất thổ cư tại số nhà 152 (nay là số 148), đường B (29m), tổ 22, phường B, thành phố L. Bà Phạm Thị N đã làm nhà tạm để ở, lúc đó con gái ông Chu Công C là chị Chu Thị Minh Ch do ly hôn đã xin về ở cùng bà để bán hàng tại nhà bà. Năm 2016 bà Phạm Thị N chết, chị Chu Thị Minh Ch đã xuất trình di chúc của bà N với nội dung bà Phạm Thị N để lại toàn bộ tài sản là 100 m² đất thổ cư tại số nhà 152 (nay là số 148), đường B (29m), tổ 22, phường B, thành phố L cho chị Chu Thị Minh Ch.

Ông Chu Công C cho rằng di chúc của bà N không hợp pháp vì vi phạm về hình thức theo quy định tại Điều 634 Bộ luật Dân sự 2015. Ông C yêu cầu Tòa án không công nhận tính hợp pháp của di chúc và chia di sản thừa kế của bà N. Căn cứ vào biên bản định giá tài sản 100 m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có trị giá là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và tài

sản trên đất là căn nhà có trị giá 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), tổng trị giá là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng). Ông C đề nghị giao cho anh Chu Công C1 được sử dụng nhà và đất, anh C1 trả tiền chênh lệch tài sản cho ông C là 475.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng), chia phần công sức đóng góp làm nhà cho chị Ch là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai của chị Chu Thị Minh Ch trình bày như sau: Chị có hộ khẩu thường trú tại tổ 13, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Năm 2004 chị về quê sau đó đưa bà nội là bà Phạm Thị N về Lào Cai sinh sống tại tổ 25, phường Thống Nhất, thành phố L. Bà N có sử dụng khoảng 25m² diện tích đất ở và 89m² đất vườn tạp do bà Niệm nhượng lại cho. Năm 2009 nhà nước thu hồi diện tích đất trên và bồi thường cho hộ bà N 100m² đất tái định cư tại số 152 (nay là 148), đường B (29m), tổ 22, phường B, thành phố L, chị đã cùng bà N xây dựng 01 ngôi nhà ống và công trình phụ trên đất hộ bà N. Chi phí xây nhà hết khoảng 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Năm 2016, bà N chết để lại di chúc giao lại toàn bộ tài sản là diện tích đất cho chị để chị thờ cúng bà. Nay ông Chu Công C yêu cầu hủy di chúc và chia di sản thừa kế của bà N, chị không đồng ý.

Tại bản tự khai của anh Chu Công C1 trình bày: Trước năm 2009, anh ở cùng với bà nội anh là bà Phạm Thị N, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 25, phường Thống Nhất, thành phố L, hộ khẩu mang tên hộ bà Phạm Thị N. Năm 2009 nhà nước thu hồi diện tích đất của bà N và anh đang sinh sống để làm cây xăng và cấp cho 100 m² đất tái định cư địa chỉ số 152 (nay là số 148), đường B (29m), tổ 22, phường B, thành phố L. Lúc đó em gái anh là chị Chu Thị Minh Ch xin về cùng ở với bà N để tiện cho việc bán hàng. Năm 2016 bà N chết, chị Ch có đưa ra bản di chúc nói là của bà N. Nay ông Chu Công C là bố anh yêu cầu không công nhận tính hợp pháp của di chúc và chia di sản thừa kế theo pháp luật, anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất vì có một phần là tài sản của anh. Anh sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền phần di sản thừa kế mà ông C được hưởng và tiền công sức đóng góp cho chị Chu Thị Minh Ch.

Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 212, 218, 631, 634, 649, điểm b khoản 1 Điều 650; điều 651 Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Công C: Không công nhận tính hợp pháp của di chúc do Phạm Thị N để lại.

Di sản của Bà Phạm Thị N được chia cho những người được thừa kế theo pháp luật như sau: Ông Chu Công C được hưởng toàn bộ di sản thừa kế do bà Phạm Thị N để lại có giá trị 475.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Giao cho anh Chu Công C1 quản lý và sử dụng 01 căn xây tạm hai gian diện tích 90 m², lợp prôximăng và công trình phụ trên diện tích đất thổ cư là 100m² tại địa chỉ số nhà 152 (nay là 148), đường B (29m), tổ 22, phường B, thành phố L.

Anh Chu Công C1 phải thanh toán cho ông Chu Công C số tiền 475.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và thanh toán cho chị Chu Thị Minh Ch số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng),

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/9/2017, chị Chu Thị Minh Ch kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xét xử phúc thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa chị Chu Thị Minh Ch giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị Chu Thị Minh Ch có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng; không xem xét giải quyết công sức đóng góp của anh Trần Sơn T là con của chị Chu Thị Minh Ch; không xem xét đến chi phí mai táng bà Phạm Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành phát luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Chu Thị Minh Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Chu Thị Minh Ch được nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét tính hợp pháp của bản Di chúc lập ngày 10/8/2010 của bà Phạm Thị N:

Về hình thức: Di chúc của bà Phạm Thị N là di chúc bằng văn bản có người làm chứng (Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005), di chúc được đánh máy, không xác định người đánh máy. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm đã tiến

hành lấy lời khai của người làm chứng về việc lập di chúc của bà Phạm Thị N là bà Trần Lệ Ng và ông Hoàng Đăng H, xác định bà Trần Lệ Ng là hàng xóm với bà Phạm Thị N, ông Hoàng Đăng H là tổ trưởng tổ dân phố, cùng cư trú tại tổ 25, phường B, thành phố L. Theo lời khai, bà Trần Lệ Ng xác nhận bà N trực tiếp nhờ bà Ng là người làm chứng trong việc bà N lập di chúc để lại di sản cho chị Chu Thị Minh Ch. Bà Ng ký vào giấy di chúc nhưng khi đó chưa có chữ ký của bà N, chữ ký của ông H; ông Hoàng Đăng H cũng xác nhận ông H có được ký vào di chúc ngày 10/8/2010 với tư cách là người làm chứng. Tuy nhiên ông Hoàng Đăng H không nhìn thấy bà Ng, bà N ký vào giấy di chúc ngày 10/8/2010. Theo Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005 cũng như Điều 634 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc”*. Như vậy, di chúc của bà Phạm Thị N lập ngày 10/8/2010 không hợp pháp, vi phạm quy định của pháp luật về hình thức.

Về nội dung: Trong di chúc bà Phạm Thị N để lại di sản cho chị Chu Thị Minh Ch là toàn bộ thửa đất có diện tích 100m² số nhà 152 (nay là số nhà 148), đường B (29m), tổ 22, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên, nguồn gốc thửa đất trên là do nhà nước cấp tái định cư cho hộ bà Phạm Thị N. Tại thời điểm cấp đất hộ bà N có bà Phạm Thị N và anh Chu Công C1. Ngày 23/12/2009 Ủy ban nhân dân thành phố L đã có phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính nhưng hộ bà Phạm Thị N chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính nên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Như vậy, bà N lập di chúc để lại toàn bộ tài sản là thửa đất này cho cháu là chị Chu Thị Minh Ch nhưng không có sự đồng ý của anh Chu Công C1 là vi phạm quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của anh Chu Công C1.

Vì vậy, di chúc của bà Phạm Thị N lập ngày 10/8/2010 là không hợp pháp. Tòa án sơ thẩm không công nhận tính hợp pháp của di chúc là có căn cứ đúng pháp luật,

[3] Về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà Phạm Thị N để lại:

Như trên đã phân tích thì di chúc của bà Phạm Thị N lập ngày 10/8/2010 là không hợp pháp. Vì vậy di sản do bà N để lại sẽ được chia theo pháp luật. Bà Phạm Thị N chết chỉ có người thừa kế duy nhất là ông Chu Công C (là con đẻ của bà N). Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông Chu Công C được hưởng toàn bộ di sản của bà N để lại là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của chị Chu Thị Minh Ch cho rằng ông C vi phạm về nghĩa vụ cấp dưỡng, không được thừa kế theo điều 621 Bộ luật Dân sự, xét thấy không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đối với ý kiến của Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Bị đơn chị Chu Thị Minh Ch: Hội đồng xét xử xét thấy, về yêu cầu xem xét đến công sức đóng góp của anh Trần Sơn T là con của chị Ch: Năm 2009 bà N và anh C1 được nhà nước cấp tái định cư 100m² đất thổ cư tại số nhà 152 (nay là 148), đường B (29m), tổ 22, phường B, thành phố L, bà N cùng chị Ch xây dựng 01 ngôi nhà tạm và công trình phụ trên đất hộ bà N, đến khi bà chết, ngôi nhà vẫn như vậy, không có gì thay đổi. Tòa án cấp sơ thẩm đã thẩm định và định giá tài sản xác định trị giá ngôi nhà là 150.000.000 đồng và xác định ngôi nhà đó là của bà N và chị Ch tạo dựng nên. Vì vậy 1/2 trị giá ngôi nhà là của bà N; 1/2 trị giá ngôi nhà là của chị Ch. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Ch không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh anh T có công sức đóng góp vào khối tài sản của bà Phạm Thị N để lại.

Về ý kiến khoản tiền chi phí mai táng bà N, do ở cấp sơ thẩm chị Ch không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông C không đồng ý thanh toán khoản chi phí mai táng và chị Ch không đưa ra được các khoản tiền chi phí mai táng cụ thể nên Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu này chị Ch có quyền yêu cầu ông C phải hoàn trả khi chị có đầy đủ chứng cứ chứng minh chị đã chi phí mai táng bà N.

[4] Về yêu cầu của anh Chu Công C1 thấy rằng: Thửa đất có diện tích 100m² tại số nhà 152 (nay là số nhà 148), đường B (29m), tổ 22, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai là do nhà nước cấp tái định cư cho hộ bà Phạm Thị N (Đất chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá theo biên bản định giá tài sản là 800.000.000 đồng). Tại thời điểm cấp đất hộ bà N có bà Phạm Thị N và anh Chu Công C1 (Các tài liệu trong vụ án đã thể hiện rõ). Như vậy xác định 1/2 thửa đất đó là của anh Chu Công C1. Do ông Chu Công C không có nhu cầu đất ở nên giao thửa đất đó cho anh C1, anh C1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị di sản của bà N để lại cho ông C.

Đối với tài sản trên đất xác định là của bà N và chị Ch tạo dựng nên chị Ch được nhận lại 1/2 giá trị tài sản trên. (Anh C1 có trách nhiệm thanh toán theo biên bản định giá tài sản).

Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của chị Chu Thị Minh Ch là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị Minh Ch phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Chu Thị Minh Ch. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai như sau:

Áp dụng điều khoản 5 điều 26, khoản 2 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 212; điều 218; điều 631; 634; 649; điểm b khoản 1 điều 650; điều 651 Bộ luật dân sự 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Công C, không công nhận tính hợp pháp của di chúc do Phạm Thị N để lại.

Di sản của Bà Phạm Thị N được chia thừa kế theo pháp luật như sau:

Ông Chu Công C được hưởng toàn bộ di sản thừa kế do bà Phạm Thị N để lại có giá trị 475.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Giao cho anh Chu Công C1 quản lý và sử dụng 01 căn xây tạm hai gian diện tích 90 m², lợp prôximăng và công trình phụ trên diện tích đất thổ cư là 100 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ số nhà 152, (nay là 148), đường B (29m), tổ 22, phường B, thành phố L.

Anh Chu Công C1 phải thanh toán cho ông Chu Công C số tiền 475.000.000 đồng và phải thanh toán cho chị Chu Thị Minh Ch số tiền 75.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Chu Thị Minh Ch phải chịu 3.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị Chu Thị Minh Ch đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AB/2010/0004577 ngày 22/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Anh Chu Công C1 phải chịu 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Chu Công C phải chịu 23.000.000đồng (Hai mươi ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 31.500.000 đồng (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009754 ngày 06/12/2016 của Chi cục thi hành án thành phố L. Ông Chu Công C được hoàn trả lại 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hữu Khoa Phùng Chí Thiện

Vũ Minh Quán

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

Vũ Minh Quán